

SỐ 1545

LUẬN
A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

Năm trăm Đại A-la-hán cùng tạo luận.

Tam Tạng Pháp Sư Huyền Trang dịch Phạn sáng Hán

QUYỂN 101

LUẬN VỀ THA TÂM TRÍ (Phần 3)

Nếu bàng sinh cũng có trí đạt được do nơi sinh ra, có thể nhận biết tâm... của người khác. Làm sao biết như vậy?

Xưa có người phụ nữ đặt con nhỏ ở một nơi để làm công việc khác, lúc ấy có một con sói mang đứa trẻ ấy đi mất. Người bên cạnh vì vậy đuổi theo nói với con sói kia rằng: Nay ông tại sao mang con nhỏ của người ta đi mất? Con sói liền trả lời rằng: Bà mẹ ấy trong năm trăm đời quá khứ thường làm hại con của tôi, tôi cũng trong năm trăm đời quá khứ làm hại con của người kia, oán thù và oán thù trả cho nhau đến nay chưa dứt, nếu người kia có thể xả bỏ thì tôi cũng xả bỏ. Người bên cạnh liền nói cho mẹ đứa trẻ ấy biết rằng: Nếu cô thương đứa con thì nên xả bỏ tâm oán thù! Người phụ nữ trả lời rằng: Tôi đã xả bỏ rồi. Con sói xem ý của người phụ nữ cũng không xả bỏ oán thù, chỉ sợ làm hại đứa trẻ mà nói dối là đã xả bỏ, liền hại chết đứa trẻ ấy vứt lại đó mà chạy đi.

Hỏi: Lúc nào bàng sinh nhận biết tâm... của người khác?

Đáp: Phần vị đầu-giữa và sau đều có thể nhận biết hết.

Hỏi: Loại đó trú vào tâm mà nhận biết tâm... của người khác,

thiện-nhiễm ô hay vô phú vô ký?

Đáp: Cả ba loại đều có thể nhận biết.

Hỏi: Là trú vào ý thức, hay là trú vào năm thức mà nhận biết tâm... của người khác?

Đáp: Chỉ trú vào ý thức.

Hỏi: Là trú vào tâm Oai nghi lộ, là trú vào tâm Công xảo xứ, hay là trú vào tâm Dị thực sinh mà nhận biết tâm... của người khác?

Đáp: Cả ba loại đều có thể nhận biết, bởi vì loài đó cũng hiện khởi tâm Công xảo xứ, tâm Dị thực sinh ấy cũng có ý thức, không phải là như địa ngục quyết định không nhận lấy quả dị thực của thiện.

Loài quỷ cũng có trí đạt được do nơi sinh ra, có thể nhận biết tâm... của người khác. Làm sao biết như vậy?

Xưa có người phụ nữ, bị quỷ làm cho mê loạn gầy yếu sắp chết, thầy chú nguyện hỏi quỷ: Nay ông vì sao làm não loạn người phụ nữ này? Quỷ liền trả lời rằng: Người phụ nữ này trong năm trăm đời quá khứ thường làm hại mạng sống của tôi, tôi cũng trong năm trăm đời quá khứ thường làm hại mạng sống người kia, oán thù và oán thù đền trả cho nhau đến nay chưa dứt, nếu người kia có thể xả bỏ thì tôi cũng có thể xả bỏ. Thầy chú nguyện vì thế bảo với người phụ nữ kia rằng: Nếu cô tiếc mạng sống thì nên xả bỏ tâm oán thù! Người phụ nữ trả lời rằng: Tôi đã xả bỏ rồi. Quỷ xem ý của người phụ nữ cũng không xả bỏ oán thù, sợ mạng sống không an toàn mà nói dối là đã xả bỏ, liền đoạn mất mạng sống của người ấy bỏ lại mà đi mất.

Hỏi: Lúc nào loài quỷ nhận biết tâm... của người khác?

Đáp: Phần vị đầu-giữa và sau đều có thể nhận biết hết.

Hỏi: Loại đó trú vào tâm nào mà nhận biết tâm... của người khác, thiện-nhiễm ô hay là vô phú vô ký?

Đáp: Cả ba loại đều có thể nhận biết.

Hỏi: Là trú vào ý thức, hay là trú vào năm thức mà nhận biết tâm... của người khác?

Đáp: Chỉ trú vào ý thức.

Hỏi: Là trú vào tâm Oai nghi lộ, là trú vào tâm Công xảo xứ, hay là trú vào tâm Dị thực sinh mà nhận biết tâm... của người khác?

Đáp: Cả ba loại đều có thể nhận biết, như loài bàng sinh đã nói.

Loài trời cũng có trí đạt được do nơi sinh ra có thể nhận biết tâm... của người khác, nhưng mà vì tế cho nên không nói riêng biệt, còn lại nói rộng ra như loài súc sinh-quỷ.

Trong loài người không có trí đạt được do nơi sinh ra có thể nhận

biết tâm... của người khác. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì không phải là ruộng đất-đồ chứa, bởi vì có trí nhìn thấy tướng-nghe lời nói... mạnh hơn làm cho che lấp giảm bớt, bởi vì có Tha tâm thông và Nguyên trí làm cho mờ khuất ánh sáng.

Hỏi: Trí đạt được do nơi sinh ra của loài nào nhận biết tâm của mấy loài?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Tất cả chỉ tự biết mình. Lại có người nói: Địa ngục chỉ biết địa ngục, bàng sinh biết hai, loài quỷ biết ba, loài trời biết năm.

Trong luận Thi Thiết nói: “Long vương Thiện Trú Ai-la-phạt-noa nhận biết tâm của loài trời, là trí dựa vào tướng mà nhận biết chứ không phải là trí đạt được do nơi sinh ra.”

Lời bình: Nên đưa ra cách nói này: Ở trong bốn loài, trí đạt được do nơi sinh ra, đều nhận biết năm loài, đối với lý không có gì trái.

Hỏi: Loài người cũng có chủng loại của trí Bốn tánh niệm sinh, thích hợp có thể nhận biết tâm... của loài khác, tại sao không nói đến?

Đáp: Nên nói mà không nói đến, thì nên biết là nghĩa này có khác. Lại nữa, bởi vì ít cho nên không nói đến, nghĩa là trong loài người đạt được trí này thì rất ít có, cho nên không nói đến trí ấy.

Có người đưa ra cách nói này: Chủng loại của trí Bốn tánh niệm sinh, không thể nào ngay lúc đó nhận biết tâm-tâm sở pháp của người khác, cho nên ở đây không nói đến.

Có lúc Tha tâm trí cũng là ngay lúc đó nhận biết tâm-tâm sở pháp của người khác, đó là nếu trí do tu mà thành, là quả của tu, nương tựa vào tu, đã được không mất, có thể ngay lúc đó nhận biết tâm-tâm sở pháp thuộc cõi Dục-Sắc hiện tại của người khác, hoặc tâm-tâm sở pháp vô lậu. Đây là Tha tâm trí thông hiện tại, giải thích rộng ra như trước.

Có lúc không phải là Tha tâm trí cũng không phải là ngay lúc đó nhận biết tâm-tâm sở pháp của người khác, đó là trừ ra những tướng trước. Tướng là thuộc về danh cho đến nói rộng ra, nghĩa là trong Hành uẩn tổng quát trừ ra Tha tâm trí thông thuộc ba đời, và trừ ra trí đạt được do nơi sinh-nhìn thấy tướng-nghe lời nói của hiện tại, có thể ngay lúc đó nhận biết tâm-tâm sở của người khác, còn lại các Hành uẩn và bốn Uẩn toàn phần cùng với pháp vô vi làm thành câu thứ tư.

Hỏi: Các trí Túc trú tùy niệm đều ngay lúc đó nhớ biết các sự việc của đời trước chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt. Trong này, trí Túc trú tùy niệm bao gồm ba đời, ngay lúc đó nhớ biết các sự việc của đời trước thì

chỉ riêng hiện tại, nhưng bao gồm trí Túc trú tùy niệm và không phải là trí Túc trú tùy niệm, cho nên có bốn câu phân biệt.

1. Có trí Túc trú tùy niệm, mà không phải là ngay lúc đó nhớ biết các sự việc của đời trước, đó là trí Túc trú tùy niệm của quá khứ-vị lai. Loại này có tướng của trí Túc trú tùy niệm, mà không có tác dụng của ngay lúc đó nhớ viết các sự việc của đời trước, bởi vì quá khứ thì tác dụng đã không còn, vị lai thì chưa có tác dụng.

2. Có ngay lúc đó nhớ biết các sự việc của đời trước, mà không phải là trí Túc trú tùy niệm, đó là như có một loại đạt được trí Bốn tánh niệm sinh, hoặc là đạt được trí có được do nơi sinh ra như vậy, có thể ngay lúc đó nhớ biết các sự việc của đời trước.

Trí Bốn tánh niệm sinh ngay lúc đó nhớ biết các sự việc của đời trước, chỉ có trong loài người, trong bốn loài khác không có trí này. Trí có được do nơi sinh ra có thể ngay lúc đó nhớ biết các sự việc của đời trước, đó là có ở những địa ngục. Sự việc ấy thế nào? Tạm thời trong địa ngục, như trong kinh nói: “Hữu tình chốn địa ngục cùng nói với nhau rằng: Kỳ lạ thay sai lầm của mình, chúng ta trong quá khứ đã từng nghe Sa-môn và Bà-la-môn nói về lỗi lầm tai họa của các Dục, luôn luôn dẫn đến sự việc thật là sợ hãi của vị lai, các người cần phải đoạn dứt. Chúng ta tuy nghe mà không tin dùng, nay vì Dục ấy mà chịu khổ đau ác liệt ở đây.”

Hỏi: Loài ấy vào lúc nào nhớ biết sự việc của đời trước?

Đáp: Lúc mới sinh vào địa ngục chưa nhận chịu khổ đau. Nếu nhận chịu khổ đau rồi thì sự việc diệt đi tiếp theo trước đó hãy còn không thể nào nhớ lại, huống hồ sự việc diệt đi đã lâu mà có thể nhớ biết được ư?

Hỏi: Loài ấy trú vào tâm nào mà nhớ lại sự việc của đời trước?

Đáp: Trú vào tâm thiện-nhiễm ô và vô phú vô ký đều có thể nhớ biết; ở trong sáu thức thì chỉ trú vào ý thức; ở trong vô ký thì chỉ trú vào Oai nghi lộ.

Hỏi: Trí có được do nơi sinh ra ấy có thể nhớ biết mấy đời?

Đáp: Có thể nhớ biết một đời, đó là từ nơi khác chết đi sinh đến nơi này.

Có người nói: Cho đến nhận biết năm trăm đời.

Loài bàng sinh có trí đạt được do nơi sinh ra, có thể ngay lúc đó nhớ biết sự việc của đời trước, như trong kinh nói: “Có con ốc nói tiếng loài chó, xưa làm Phạm chí tên gọi Đạo-đề-na, nhớ lại sự việc của đời trước, người ta khiến leo lên chỗ ngồi ăn cơm để chỉ rõ là vật báu, đều

thuận theo lời nói của người ấy.”

Hỏi: Vào lúc nào nhớ lại sự việc của đời trước?

Đáp: Phần vị đầu-giữa và sau đều có thể nhớ biết.

Hỏi: Loài ấy trú vào tâm nào mà nhớ lại sự việc của đời trước?

Đáp: Trú vào tâm thiện-nhiễm ô và vô phú vô ký đều có thể nhớ biết; ở trong sáu thức thì chỉ trú vào ý thức, ở trong ba vô ký thì trú vào tất cả ba loại.

Hỏi: Trí có được do nơi sinh ra của loài ấy có thể nhớ biết mấy đời?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Chỉ nhớ lại một đời, đó là từ nơi khác chết đi sinh đến nơi này.

Lời bình: Nên đưa ra cách nói này: Có thể nhớ lại nhiều đời, như con sói nhớ biết sự việc trong năm trăm đời.

Loài quỷ cũng có trí đạt được do nơi sinh ra, có thể ngay lúc đó nhớ biết sự việc của đời trước. Như bài kệ nói:

“Xưa tôi tích góp các của cải, dùng pháp hoặc là không hợp pháp,

Nay người khác hưởng thụ giàu-vui, một mình tôi nhận chịu nghèo-khổ.”

Hỏi: Loài ấy vào lúc nào nhớ lại sự việc của đời trước?

Đáp: Phần vị đầu giữa và sau đều có thể nhớ biết.

Hỏi: Loài ấy trú vào tâm nào mà nhớ lại sự việc của đời trước?

Đáp: Phần vị đầu giữa và sau đều có thể nhớ biết.

Hỏi: Loài ấy trú vào tâm nào mà nhớ lại sự việc của đời trước?

Đáp: Trú vào tâm thiện-nhiễm ô và vô phú vô ký đều có thể nhớ biết; ở trong sáu thức thì chỉ trú vào ý thức, trong ba vô phú vô ký thì trú vào tất cả ba loại.

Hỏi: Trí có được do nơi sinh ra của loài ấy có thể nhớ biết mấy đời?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Chỉ nhớ lại một đời, đó là từ nơi khác chết đi sinh đến nơi này.

Lời bình: Nên đưa ra cách nói này: Có thể nhớ lại nhiều đời, như quỷ nhớ biết sự việc trong năm trăm đời.

Loài trời cũng có trí đạt được do nơi sinh ra, có thể ngay lúc ấy nhớ biết sự việc của đời trước. Như bài kệ nói:

“Tôi cúng dường khu rừng Thệ-đa, được đấng Đại Pháp vương an trú.

Hiền Thánh Tăng tiếp nhận sử dụng, cho nên tâm tôi thật hoan

hỷ.”

Hỏi: Loài ấy vào lúc nào nhớ lại sự việc của đời trước?

Đáp: Phần vị đầu-giữa và sau đều có thể nhớ biết.

Hỏi: Loài ấy trú vào tâm nào mà nhớ lại sự việc của đời trước?

Đáp: Trú vào thiện-nhiễm ô và vô phú vô ký đều có thể nhớ biết; ở trong sáu thức thì chỉ trú vào ý thức, trong ba vô ký thì trú vào tất cả ba loại.

Hỏi: Trí của đấng do nơi sinh ra của loài ấy có thể nhớ biết mấy đời?

Đáp: Có người đưa ra cách nói như vậy: Chỉ nhớ lại một đời, đó là từ nơi khác chết đi sinh đến nơi này.

Lời bình: Nên đưa ra cách nói này: có thể nhớ lại nhiều đời.

Trong loài người không có trí đạt đấng do nơi sinh ra nhớ lại sự việc của đời trước, bởi vì không phải là ruộng đất-đồ chứa, bởi vì bị trí Bốn tánh niệm sinh... làm cho giảm bớt và mờ khuất, bởi vì vị trí Túc trú tùy niệm thông và Nguyên trí... làm cho mờ khuất.

3. Có trí Túc trú tùy niệm mà cũng ngay lúc đó nhớ biết các sự việc của đời trước, đó là nếu trí do tu mà thành, là quả của tu, nương tựa vào tu, đã được không mất, có thể ngay lúc đó nhớ biết các sự việc của đời trước, các loại tướng trạng và những lời nói. Đây là trí thông Túc trú tùy niệm hiện tại, rộng ra như trước giải thích.

4. Có lúc không phải là trí Túc trú tùy niệm, cũng không phải là ngay lúc đó nhớ biết các sự việc của đời trước, đó là trừ ra những tướng trước. Tướng là thuộc về danh, cho đến nói rộng ra. Nghĩa là trong Hành uẩn trừ ra toàn bộ trí thông Túc trú tùy niệm của ba đời, và trừ ra trí Bốn tánh niệm sinh của hiện tại, trí của đấng do nơi sinh ra, có thể ngay lúc đó nhớ biết sự việc đời trước, còn lại các Hành uẩn và bốn Uẩn toàn phần cùng với pháp vô vi làm thành câu thứ tư.

Hỏi: Các trí Túc trú tùy niệm, đều biết Uẩn-Xứ-Giới-Tâm nối tiếp nhau trong quá khứ của người khác chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt, trong này câu thứ nhất là duyên với trí Túc trú tùy niệm nối tiếp nhau của mình, câu thứ hai là duyên với Nguyên trí nối tiếp nhau của người khác và gia hạnh của trí Túc trú tùy niệm, câu thứ ba là duyên với trí Túc trú tùy niệm nối tiếp nhau của người khác, câu thứ tư là duyên với Nguyên trí nối tiếp nhau của mình và gia hạnh của trí Túc trú tùy niệm. Đó gọi là Tỳ Bà Sa tóm lược ở chỗ này.

1. Có lúc trí Túc trú tùy niệm, không phải là nhận biết Uẩn-Xứ-

Giới-Tâm nối tiếp nhau trong quá khứ của người khác, đó là nếu trí do tu mà thành, là quả của tu, nương tựa vào tu, đã được không mất, nhận biết Uẩn-Xứ-Giới-tâm nối tiếp nhau trong quá khứ đời trước của mình. Đây chính là duyên với trí Túc trú tùy niệm nối tiếp nhau của mình, bởi vì duyên với sự việc đời của mình trong đời sống quá khứ.

2. Có lúc nhận biết Uẩn-Xứ-giới tâm nối tiếp nhau trong quá khứ của người khác, không phải là trí Túc trú tùy niệm, đó là nếu trí do tu mà thành, là quả của tu, nương tựa vào tu, đã được không mất, nhận biết Uẩn-Xứ-Giới-tâm nối tiếp nhau trong quá khứ ngay đời này của người khác. Đây chính là duyên với Nguyên trí nối tiếp nhau của người khác và gia hạnh của trí Túc trú tùy niệm, bởi vì duyên với sự việc quá khứ của người khác trong đời sống hiện tại.

3. Có lúc trí Túc trú tùy niệm cũng nhận biết Uẩn-Xứ-giới-tâm nối tiếp nhau trong quá khứ của người khác, đó là trí do tu mà thành, là quả của tu, nương tựa vào tu, đã được không mất, nhận biết Uẩn-Xứ-Giới-tâm nối tiếp nhau trong quá khứ ở đời sống trước kia của người khác. Đây chính là duyên với trí Túc trú tùy niệm nối tiếp nhau của người khác, bởi vì duyên với sự việc đời trước của người khác trong đời sống quá khứ.

4. Có lúc không phải là trí Túc trú tùy niệm, cũng không phải là nhận biết Uẩn-Xứ-Giới-tâm nối tiếp nhau trong quá khứ của người khác, đó là nếu trí do tu mà thành, là quả của tu, nương tựa vào tu, đã được không mất, nhận biết Uẩn-Xứ-Giới-tâm nối tiếp nhau trong quá khứ ngay đời sống này của mình. Đây chính là duyên với Nguyên nối tiếp nhau của mình, và gia hạnh của trí Túc trú tùy niệm, bởi vì duyên với sự việc quá khứ trong đời sống hiện tại của mình.

Trong này, Nguyên trí chỉ duyên với đời này, và các pháp hữu lậu của quá khứ; trí Túc trú tùy niệm chỉ duyên với đời trước, và các pháp hữu lậu của quá khứ; gia hạnh của trí Túc trú tùy niệm cũng chỉ duyên với đời này, và các pháp hữu lậu của quá khứ. Nhưng các Nguyên trí duyên chung với ba đời, trong này chỉ chọn lấy duyên với pháp hữu lậu của quá khứ trong đời này.

Hỏi: Trước đây đã nói đến trí Bốn tánh niệm sinh, lấy gì làm tự tánh?

Đáp: Lấy Tuệ làm tự tánh, đó gọi là bốn tánh-tướng phần-tự thể-ngã vật-tự tánh của trí Bốn tánh niệm sinh. Đã nói về tự tánh, nguyên cớ nay sẽ nói đến.

Hỏi: Vì sao gọi là trí Bốn tánh niệm sinh, trí Bốn tánh niệm sinh

là nghĩa gì?

Đáp: Sinh là các pháp hữu lậu của đời trước, Trí là đời này có thể nhận biết trí kia, Niệm là trí này cùng sinh ra niệm thù thắng. Nói Bốn tánh ấy là chọn lấy tu đạt được riêng biệt, tức là trí Bốn tánh do Niệm lực thù thắng mà nhận biết các pháp hữu lậu của đời sống quá khứ, cho nên gọi là trí Bốn tánh niệm sinh. Lại nữa, trú vào tâm của Bốn tánh do Niệm lực thù thắng phát khởi trí này, nhận biết các pháp hữu lậu của đời sống quá khứ, cho nên gọi là trí Bốn tánh niệm sinh. Tâm của Bốn tánh, đó là thiện-nhiễm ô và vô phú vô ký, không do tu đạt được cho nên gọi là Bốn tánh. Lại nữa, Bốn tánh ấy là tự tánh của các pháp, tức là tự tánh các pháp hữu lậu của đời quá khứ, trí do Niệm lực nhận biết Bốn tánh sinh ra, cho nên gọi là trí Bốn tánh niệm sinh. Lại nữa, Bốn tánh ấy là pháp tánh thuộc đời trước, tức là tánh thuộc pháp hữu lậu của đời quá khứ, trí do Niệm lực nhận biết Bốn tánh sinh ra, cho nên gọi là trí Bốn tánh niệm sinh.

Hỏi: Trí này cùng sinh ra có nhiều loại, vì sao chỉ nói đến Niệm?

Đáp: Bởi vì Niệm lực tăng mạnh; như bốn Niệm trú-Trì tức niệm-trí Túc trú tùy niệm, tuy Tuệ là Thể mà Niệm lực tăng mạnh, cho nên gọi là Niệm trú... như Phục trừ Sắc tướng tuy Thể là Tuệ, mà lực của Tướng tăng mạnh, cho nên gọi là Phục trừ Sắc tướng; trí này cũng như vậy, tuy Thể là Tuệ mà Niệm lực tăng mạnh, cho nên gọi là trí Bốn tánh niệm sinh.

Hỏi: Trí Bốn tánh niệm sinh này ở cõi nào có?

Đáp: Chỉ có ở cõi Dục.

Hỏi: Trí Bốn tánh niệm sinh này ở nẻo nào có?

Đáp: Chỉ có ở nẻo người. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì chỉ ở trong nẻo người cõi Dục có thể tạo ra nghiệp thù thắng làm cho đạt được trí này, và bởi vì trong nẻo người thì trí tụ mạnh mẽ sắc bén hơn hẳn nẻo khác.

Hỏi: Trí Bốn tánh niệm sinh này do nghiệp lực nào mà làm cho phát khởi?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Nếu các hữu tình vui thích nói ra lời nói yêu thương làm cho người khác hoan hỷ, thì do nghiệp lực ấy có thể dẫn đến trí này.

Lại có người nói: Nếu các hữu tình vui thích truyền bá việc tốt làm cho tâm người khác vui sướng-thân được an lạc, thì do nghiệp lực

ấy có thể dẫn đến trí này.

Có Sư khác nói: Nếu các hữu tình người khác lo sợ hoảng hốt, tìm cách an ủi nói cho biết làm nơi quay về nương tựa cho họ khiến được hết sợ hãi, thì do nghiệp lực ấy có thể dẫn đến trí này.

Hoặc có người nói: nếu các hữu tình thấy người khác buồn lo sầu não, dùng pháp chỉ bày nói cho biết khiến được hết buồn lo, thì do nghiệp lực ấy có thể dẫn đến trí này. Có người khác lại nói; Nếu các hữu tình thấy nơi hiểm nguy ách nạn sửa chữa làm cho rộng rãi thuận lợi, để cho người qua lại không có gian nan, thì do nghiệp lực ấy ở trong bụng mẹ không có nỗi khổ của sự bức ép chật hẹp, cho nên có được trí này.

Hoặc có người khác nói: Nếu các hữu tình bố thí các loại đồ ăn thức uống ngon lành cho người khác, thì do nghiệp lực ấy có thể dẫn đến trí này.

Lời bình: Nên đưa ra cách nói này: Nếu các hữu tình không tạo ra nghiệp làm não hại người khác, luôn luôn làm điều lợi ích cho người khác, thì do nghiệp này cho nên ở trong bụng mẹ, không bị các bệnh như gió-nóng-đàm-suyễn làm cho bức bách quá lắm, về sau lúc ra khỏi thai mẹ không có nỗi khổ của sự bức ép chật hẹp, vì thế cho nên có thể nhớ lại các sự việc của đời trước.

Có người nói như vậy: Nếu các hữu tình ở trong bụng mẹ và lúc ra khỏi thai, không nhận chịu nhiều căn bệnh bức ép chật hẹp khổ sở, thì đều thuận theo có thể nhớ lại sự việc của đời quá khứ, chỉ do mẹ mắc bệnh và bức bách chật hẹp khổ sở cho nên đều quên hết mọi việc.

Hỏi: Trí bốn tánh niệm sinh này, lúc đầu-giữa và sau thì lúc nào là hơn hẳn?

Đáp: Điều này không quyết định được, đó là hoặc có người lúc mới sinh ra thì hơn hẳn, như Thế-bạt-la... lúc mới sinh ra, liền phát ra nói như vậy: Nay trong nhà này có thể có tiền bạc của cải, để cho con tùy ý thực hành bố thí chăng? Hoặc có người lúc tuổi trưởng thành thì hơn hẳn, như Tôn giả Hộ Quốc..., hoặc có người lúc tuổi già thì hơn hẳn, như Am-bà-sất-trĩ..., nói rộng ra như trong kinh.

Hỏi: Trí Bốn tánh niệm sinh này có thể nhớ lại sự việc mấy đời?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Chỉ có thể nhớ lại sự việc của một đời, đó là từ nơi khác mất đi dinh đến nơi này.

Hoặc có người nói: Trí này có thể nhớ lại sự việc của hai đời, hoặc cho đến sự việc của bảy đời." Như trong thành Vương Xá có một người đồ tể, tên gọi là Già-tra, là bạn quen biết thưở còn trẻ nhỏ với vua Vị

Sinh Oán (A-xà-thế), đã từng thưa với Thái Tử: Ngài lên ngôi vua ban cho tôi nguyện gì? Thái Tử nói rằng: Sẽ tùy ông đề nghị. Về sau Vị Sinh Oán hại chết vua cha tự lên nguyện vua, Già-tra ngay sau đó đi theo nhà vua xin điều mong muốn. Nhà vua liền bảo rằng: Tùy ý ông cầu mong. Già-tra thưa rằng: Xin nhà vua cho phép tôi một mình làm nghề tàn sát trong thành Vương-xá. Nhà vua liền bảo rằng: Nay ông sao cầu mong điều nguyện tàn ác này, lẽ nào không sợ hãi quả báo khổ đau trong tương lai hay sao? Người đồ tể thưa với nhà vua: Các nghiệp thiện ác đều không có quả báo thì việc gì phải sợ hãi? Nhà vua liền bảo rằng: Ông làm sao biết được? Già-tra thưa với nhà vua: Tôi nhớ lại sáu đời trong quá khứ, ở trong thành Vương-Xá này thường làm nghề tàn sát, cuối cùng sinh vào cõi trời Tam Thập Tam hưởng thụ nhiều vui sướng, từ cõi trời ấy chết đi sinh đến nơi này, trẻ nhỏ được làm bạn quen biết với nhà vua, cho nên biết thiện ác thì quả ấy chắc chắn không có. Nhà vua nghe nói sinh lòng nghi ngờ liền đi đến thưa hỏi Đức Phật. Đức Phật bảo với nhà vua rằng: Sự việc này không sai, nhưng người đồ tể kia đã từng đem một bữa ăn cúng dường cho vị Độc giác mà phát tà nguyện rằng: Khiến cho con thường ở trong thành Vương Xá một mình làm nghề tàn sát, sau đó được sinh lên cõi trời. Bởi vì nhân của nghiệp thù thắng cho nên quả được như lời nguyện. Người ấy trước kia là nghiệp thù thắng và quả nay không còn, sau bảy ngày nữa chắc chắn sẽ mạng chung sinh vào địa ngục Hào Khiếu (gào thét), lần lượt nhận chịu quả báo khổ đau của nghiệp đồ tể trước kia.” Vì thế cho nên trí này biết cao nhất là bảy đời.

Lại có người nói: Trí này cao nhất có thể nhớ lại sự việc trong năm trăm đời. Đó là “Có Tỳ kheo tự nhớ lại trong năm trăm đời quá khứ rồi vào loài ngạ quỷ, nghĩ về lúc ấy đã nhận chịu nỗi khổ đói khát, toàn thân toát mồ hôi-tâm hết sức sợ hãi buồn phiền, ngưng các việc làm tinh tiến hừng hực, sau trải qua thời gian dài đạt được quả Dự lưu. Vị ấy dấy lên ý niệm này: Mình từ trước đến nay, nhờ vào các Tỳ kheo giúp cho vật dụng tiền bạc, khiến cho sự sợ hãi của mình đã được vĩnh viễn diệt trừ, nay cần phải truy tìm các vật dụng cung cấp cho thân để đền trả ân huệ trước đây. Dấy lên ý niệm này rồi đi khắp nơi tìm kiếm các vật dụng cung cấp cho thân. Lúc ấy các Tỳ kheo trông thấy mà gọi lại nói rằng: Trước đây ông ít việc nay vì sao lại nhiều? Vị ấy liền nói đầy đủ sự việc của mình cho người khác biết. Lại có Tỳ kheo tự nhớ lại trong năm trăm đời quá khứ rơi vào chốn địa ngục, nghĩ về lúc ấy đã nhận chịu khổ đau trong địa ngục, trong các lỗ chân lông toàn thân đều

chảy ra máu, thân thể và áo quần vô cùng dơ bẩn, hàng ngày đến bên dòng nước tắm rửa giặt giũ, mọi người nói rằng nghĩ nước làm sạch. Vị ấy ngừng việc làm tinh tiến hừng hực, trải qua thời gian dài chứng quả A-la-hán. Về sau không thường xuyên tắm rửa giặt giũ, mọi người cảm thấy quái lạ bèn hỏi, vị ấy cũng nói đầy đủ sự việc của mình cho người khác biết.” Vì vậy cho nên biết trí này nhớ lại cao nhất là năm trăm đời.

Có Sư khác nói: Trí này có thể nhận biết sự việc về kiếp thành và kiếp hoại trong quá khứ. Đó là “Đức Phật xưa kia lúc còn làm Bồ-tát, vì cảm hóa hữu tình mà phát Đại thệ nguyện, có lúc đã từng làm vị vua Chiên-đồ-la gọi là Tam câu, khéo léo thông hiểu tất cả sách luận-chú thuật. Lúc bấy giờ A-nan làm con của vị vua ấy tên là Sư Tử Nhĩ, dung mạo đoan chánh tuyệt vời không ai sánh bằng. Lúc ấy Xá-lợi-tử làm bà-la-môn tên gọi là Trì Kiên, khéo léo thông hiểu Minh luận (luận Vi-đà) và các quyển thuộc. Vị ấy có một cô con gái tên gọi là Trinh Khiết, dung mạo đoan chánh mọi người đều thích gặp. Lúc ấy nhà vua đi đến chỗ Bà-la-môn cầu hôn cho con trai, Trì Kiên rất tức giận nói rõ với vị vua ấy rằng: Dòng họ nhà ông là hèn mạt nhất trong các dòng họ, Ta là Phạm chí tôn quý trong các dòng họ vì sao đến đây cố tình xem thường làm nhục lẫn nhau? Lúc ấy nhà vua nói với Bà-la-môn rằng: Dòng họ cao thấp cũng không có cố định thường xuyên, ông nhìn nhận thế nào mà bỗng nhiên tự mình kiêu căng cao ngạo, có thể ông đã từng nghe các sách chữ Phạm là do ai mà soạn ra? Trì Kiên trả lời rằng: Ta nghe cổ xưa có bà-la-môn tên gọi Cù-tần-đà, là do vị ấy mà soạn ra. Nhà vua nói: Cù-tần-đà lúc ấy tức là thân tôi bây giờ, ông lại có thể nghe sách chữ Khư-lô-sắt-tra là do ai mà soạn ra? Bà-la-môn nói: Ta nghe cổ xưa có Đại Tiên nhân tên gọi Khư-lô-sắt-tra, là do vị ấy mà soạn ra. Nhà vua nói: Đại Tiên nhân lúc ấy tức là thân tôi bây giờ. Nhà vua lại hỏi rằng: Ông có thể đã từng nghe các luận Phệ-đà và các sách thế tục-quyển thuộc của luận ấy là ai soạn ra chăng? Bà-la-môn nói: Sách luận bộ phái như vậy và như vậy, chính là các Bà-la-môn và Tiên nhân ấy... soạn ra. Nhà vua lại trả lời rằng: Đó đều là tên gọi thời xưa của tôi, ông có thể biết chăng, làm sao nay ông tự mình kiêu căng xem thường người khác? Trì Kiên ngay sau đó suy ra chứng minh từng điều một, biết lời nhà vua đã nói là thật chứ không phải là sai lầm, tâm hết sức cung kính và ngưỡng mộ, liền nhận lời cầu hôn của nhà vua.” Vì vậy cho nên biết trí này có thể nhớ lại sự việc của kiếp thành-kiếp hoại trong đời quá khứ cuối cùng.

Như trong kinh nói: “Đức Phật bảo với chủ thôn ấp: Ta tự nhớ lại chín mươi một kiếp quá khứ đến nay, đối với ruộng Giới thanh tịnh cúng dường đồ ăn thức uống... từng không có bỏ lỡ hoặc thiếu sót, lại cũng không nhớ làm đồ ăn thức uống... cho người làm hỏng Giới.”

Hỏi: Đức Thế Tôn là dùng trí Túc trú tùy niệm mà nhớ biết sự việc này, hay là dùng trí Bản tánh niệm sinh mà nhớ biết sự việc này? Giả sử như vậy thì có gì sai? Nếu dùng trí Túc trú tùy niệm mà nhớ biết sự việc này, thì tại sao trước đây nói có người nói trí này chỉ nhớ lại một đời, có người nói nhớ lại hai đời cho đến cao nhất là bảy đời, có người nói nhớ lại năm trăm đời, có người nói nhớ lại kiếp thành-kiếp hoại, mà không nói có thể nhớ lại chín mươi một kiếp?

Đáp: Nên đưa ra cách nói này: Đức Thế Tôn dùng trí Túc trú tùy niệm để nhớ biết sự việc này.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao chỉ nhớ lại chín mươi một kiếp mà không nhớ lại nhiều hơn?

Đáp: Thật sự có năng lực nhớ lại nhiều mà nói chỉ bấy nhiêu.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao không nói nhớ lại nhiều hơn?

Đáp: Hiệp Tôn giả nói: “Tất cả sinh ra nghi ngờ, nếu nói nhớ lại nhiều hơn, hoặc là nói nhớ lại ít hơn không cần phải vặn hỏi.”

Lại nữa, từ đó kiến lập bảy vị Phật Thế Tôn, cho nên chỉ nói như vậy. Lại nữa, từ đó đến nay tu về nghiệp tướng tốt, cho nên chỉ nói như vậy. Lại nữa, từ đó đến nay nghiệp đạo thanh tịnh không rơi vào nẻo ác, luôn luôn thọ thân năm, thường nhớ lại đời trước, cho nên chỉ nói như vậy. Lại có người nói: Đức Thế Tôn dùng trí Bản tánh niệm sinh để nhớ biết sự việc này.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao trước đây nói có người nói chỉ nhớ lại một đời, cho đến có người nói nhớ lại kiếp thành-kiếp hoại, mà không nói là có thể nhớ lại chín mươi một kiếp?

Đáp: Trước đây nói người khác có thể nhớ lại nhiều hơn.

Hỏi: Trí Bản tánh niệm sinh thì có thể nhớ biết. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì sự việc của Trung Hữu rất vi tế, cho nên không phải là cảnh của trí này.

Lời bình: Nên đưa ra cách nói này: Trí Bản tánh niệm sinh cũng có thể nhớ biết sự việc trong giai đoạn Trung Hữu. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì nếu không nhớ biết thì cảnh nhận biết của trí này sẽ trở thành lẫn lộn, nghĩa là phần ít có thể nhận biết, phần ít không thể nhận biết.

Hỏi: Bồ tát ở đời trước đã có trí Bản tánh niệm sinh, ở đời sau cùng thì cũng có hay là không? Giả sử như vậy thì có gì sai? Nếu có thì

tại sao lực của duyên không phải là mạnh hơn lực của nhân? Nếu không có thì tại sao Bồ-tát không phải là chuyển biến suy thoái?

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao lực của duyên không phải là mạnh hơn lực của nhân?

Đáp: Không phải là không có lực của duyên, thì gọi là có lực của nhân bên trong, và bởi vì lợi căn cho nên gọi là có lực của nhân bên trong, nghĩa là Bồ-tát này có căn tánh thù thắng nhất đối với các hữu tình cho nên gọi là có lực của nhân. Vả lại, ai nói Bồ-tát không có lực của duyên vậy? Có trời Tịnh Cư hiện rõ cảnh tượng già-bệnh-chết, giác ngộ mà phát tâm Bồ-tát chán ngán sinh tử, lẽ nào không phải là lực của duyên hay sao? Lại nữa, Lộc Thích Nữ vì Bồ-tát mà nói bài tụng ca ngợi Niết-bàn, giác ngộ mà phát tâm Bồ-tát vui cầu Niết-bàn, cùng là lực của duyên. Như nói:

“Không bao lâu ông sẽ đạt được, yên ổn vui vẻ lấy làm mẹ,
Không có buồn lo lấy làm cha, vắng lặng thư thái lấy làm vợ.”

Bồ-tát thấy và nghe sự việc như vậy rồi, đã tăng thêm chán ngán-vui mừng vượt thành mà xuất gia. Lại nữa, đời quá khứ có vô lượng Đức Phật, vì Bồ-tát mà nói về tư lương Bồ-đề. Những sự việc như vậy đều gọi là lực của duyên. Có người đưa ra cách nói này: Thân cuối cùng của Bồ-tát không có trí Bốn tánh niệm sinh.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao không phải là chuyển biến suy thoái?

Đáp: Tuy không có trí này, mà có trí Túc trú tùy niệm thù thắng, và Nguyên trí..., cho nên không phải là suy thoái.

Lời bình: Nên biết trong này, cách nói trước là hợp lý, bởi vì từ chín mươi một kiếp đến này luôn luôn có trí này.

Thế nào là Thời ái tâm giải thoát? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì muốn phân biệt về nghĩa trong kinh. Nghĩa là trong kinh nói: “Đức Phật bảo với A-nan: Tỳ-kheo không nên vì thích tụ tập với chúng và mê đắm các hý luận. Nếu người vui thích tụ tập với chúng và mê đắm hý luận, có thể chúng được Thời ái tâm giới và Bất động tâm giải thoát, thì không có điều này. Nếu các Tỳ-kheo không thích tụ tập đồng người, không mê đắm hý luận, có thể chúng được hai loại giải thoát, thì điều này là có.” Trong kinh tuy nói ra như vậy, mà không giải thích rộng về nghĩa ấy, không nói đến tự tánh và nhân duyên đạt được hai loại giải thoát này. Trong chương Căn Uẩn tuy nói về hai nhân duyên đạt được, mà không hiển bày về tự tánh, cho nên nay cần phải

hiển bày về điều ấy.

Lại nữa, vì ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày về chánh lý. Nghĩa là hoặc có người nói: Thời ái tâm giải thoát là Hữu học-có những việc làm, Bất động tâm giải thoát là Vô học-không có những việc làm. Vì ngăn chặn ý đó để hiển bày về hai giải thoát đều là Vô học lại không có những việc làm.

Hoặc lại có người nói: Thời ái tâm giải thoát là hữu lậu, Bất động tâm giải thoát là vô lậu. Vì ngăn chặn ý đó để hiển bày hai giải thoát đều là Vô học không có những việc làm.

Hoặc lại có người nói: Thời ái tâm giải thoát là hữu lậu, Bất động tâm giải thoát là vô lậu. Vì ngăn chặn ý đó để hiển bày về hai giải thoát đều là vô lậu.

Lại có người muốn làm cho Thời ái tâm giải thoát đều là hữu vi, Bất động tâm giải thoát là vô vi. Vì ngăn chặn ý đó để hiển bày về hai giải thoát đều là hữu vi.

Bởi vì các loại nhân duyên như vậy, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Thế nào là Thời ái tâm giải thoát?

Đáp: Tận trí của A-la-hán Thời giải thoát, hoặc là Chánh kiến Vô học tương ứng với tâm thắng giải, đã thắng giải và đang thắng giải.

Hỏi: Thế nào là Bất động tâm giải thoát?

Đáp: Tận trí-Vô sinh trí của A-la-hán Bất động pháp, hoặc là Chánh kiến Vô học tương ứng với tâm thắng giải, đã thắng giải và đang thắng giải.

Trong này, Tận trí-Vô sinh trí-Chánh kiến Vô học tương ứng với tâm, là chọn lựa khác với Hữu học và hữu lậu; tâm thắng giải ấy là hiện tại, đã thắng giải ấy là quá khứ, đang thắng giải ấy là vị lai. Đây chính là chọn lấy khác với vô vi giải thoát, hiển bày hai giải thoát chỉ dùng tâm Vô học-vô lậu tương ứng với thắng giải để làm tự tánh. Nhưng trong tất cả các pháp chỉ có hai pháp là tự tánh giải thoát, đó là trong pháp vô vi thì Trạch diệt là tự tánh giải thoát, trong pháp hữu vi thì thắng giải do pháp Đại địa thân nhiếp là tự tánh giải thoát. Thắng giải này có hai loại:

1. Nhiễm ô, đó là tương ứng với tham... gọi là tà thắng giải.

2. Không nhiễm ô, đó là tương ứng với không tham... gọi là Chánh thắng giải. Chánh thắng giải này lại có hai loại:

1. Hữu lậu, đó là quán Bất tịnh-Trì tức niệm, Vô lượng-Giải thoát-Thắng xứ-Biến xứ... tương ứng với thắng giải.

2. Vô lậu, đó là thắng giải về Học Vô học. Thắng giải về Học, đó là thắng giải do bốn Hưởng-ba Quả thâm nhiếp, tức là Khổ Pháp trí nhân cho đến Định Kim cang dụ tương ứng với thắng giải. Thắng giải về Vô học, đó là thắng giải do quả A-la-hán thâm nhiếp, tức là Tận trí-Vô sinh trí-Chánh kiến Vô học tương ứng với thắng giải. Thắng giải về Vô học lại có hai loại:

1. Thời ái tâm giải thoát, tức là năm loại thắng giải do quả A-la-hán thâm nhiếp, cũng gọi là Thời giải thoát.

2. Bất động tâm giải thoát, đó là thắng giải do quả A-la-hán Bất động pháp thâm nhiếp, cũng gọi là Bất thời giải thoát.

Hai giải thoát này đều có hai loại:

1. Gọi là Tâm giải thoát, bởi vì tham ái.

2. Gọi là Tuệ giải thoát, bởi vì lìa Vô minh.

Hỏi: Nếu thắng giải Vô học lìa tham ái cho nên gọi là Tâm giải thoát, lìa Vô minh cho nên gọi là Tuệ giải thoát, thì luận Tập Dị Môn nói nên thông hiểu thế nào? Như nói: “Thế nào là Tâm giải thoát? Đó là căn thiện không tham đối trị với tham ái. Thế nào là Tuệ giải thoát? Đó là căn thiện không si đối trị với Vô minh.”

Đáp: Luận Tập Dị Môn nên nói như vậy: Thế nào là Tâm giải thoát? Đó là căn thiện không tham tương ứng với thắng giải. Thế nào là Tuệ giải thoát? Đó là căn thiện không si tương ứng với thắng giải. Nên nói như vậy mà không nói là có ý nghĩa khác, đó là dựa vào căn thiện để biểu hiện rõ ràng về thắng giải, nếu dựa vào không tham cho nên tâm giải thoát tham ái, tương ứng với thắng giải này thì gọi là Tâm giải thoát; nếu dựa vào không si cho nên tuệ giải thoát Vô minh, tương ứng với thắng giải này thì gọi là Tuệ giải thoát. Vì vậy trong này, hai tâm giải thoát đều dùng thắng giải Vô học làm tự tánh.

Đó gọi là bốn tánh-tướng phần-tự thể-ngã vật-tự tánh của giải thoát. Đã nói về tự tánh, nguyên cơ sẽ nói đến.

Hỏi: Vì sao gọi là Thời giải thoát, Thời giải thoát là nghĩa gì?

Đáp: Bởi vì giải thoát ấy chờ đến lúc đạt được, thời gian tuy có nhiều mà tóm lược có sáu loại:

1. Lúc có được áo mặc tốt đẹp.
2. Lúc có được cơm ăn tốt lành.
3. Lúc có được đồ ăn tốt lành.
4. Lúc có được nơi ở tốt lành.
5. Lúc được nghe thuyết pháp tốt lành.
6. Lúc gặp được Bồ-đặc-già-la tốt lành.

Chờ đến lúc có được áo mặc tốt đẹp, nghĩa là người ấy cần phải có được y phục mềm mại tươi sáng tốt đẹp tuyệt vời thì mới được giải thoát, nếu không như vậy thì không đạt được giải thoát. Chờ đến lúc có được cơm ăn tốt lành, nghĩa là người ấy cần phải có được đồ ăn thức uống ngon lành tuyệt vời như bơ sữa-mật ngọt... thì mới được giải thoát, nếu không như vậy thì không đạt được giải thoát. Chờ đến lúc có được đồ nằm tốt lành, nghĩa là người ấy cần phải có được đồ nằm dày êm mềm mại như giường gối chăn đệm... thì mới được giải thoát, nếu không như vậy thì không đạt được giải thoát. Chờ đến lúc có được nơi ở tốt lành, nghĩa là người ấy cần phải có được nơi ở vắng lặng-phòng ốc tốt đẹp tuyệt vời thì mới được giải thoát, nếu không như vậy thì không đạt được giải thoát. Chờ đến lúc được nghe thuyết pháp tốt lành, nghĩa là người ấy cần phải có được sự khuyên nhủ giảng dạy hợp cơ-đúng như lý thì mới được giải thoát, nếu không như vậy thì không đạt được giải thoát. Chờ đến lúc gặp được Bồ-đặc-già-la tốt lành, nghĩa là người ấy cần phải gặp được người đầy đủ đức hạnh tốt đẹp-bẩm tính nhu hòa dễ chịu cùng ở chung, cùng với nhau cư trú thì mới được giải thoát, nếu không như vậy thì không đạt được giải thoát.

Hỏi: Vì sao gọi là Bất thời giải thoát, Bất thời giải thoát là nghĩa gì?

Đáp: Bởi vì giải thoát ấy không chờ đến lúc đạt được, thời gian tức là sáu loại đã nói như trước.

Không chờ đến lúc có được áo mặc tốt đẹp, nghĩa là người ấy tuy lúc có được áo rách xấu cũ, mà có thể mau chóng được giải thoát, hơn hẳn Thời giải thoát lúc có được áo mặc giá trị trăm ngàn lạng vàng. Không chờ đến lúc có được cơm ăn ngon lành, nghĩa là người ấy tuy có lúc có được đồ ăn thức uống đơn sơ dở dang, mà có thể mau chóng được giải thoát, hơn hẳn Thời giải thoát lúc có được đồ ăn thức uống đầy đủ ngon lành. Không chờ đến lúc có được đồ nằm tốt lành, nghĩa là người ấy tuy lúc có được đồ nằm thô lậu như giường đá-gối gỗ..., mà có thể mau chóng được giải thoát, hơn hẳn Thời giải thoát lúc có được đồ nằm tuyệt vời nhất. Không chờ đến lúc có được nơi ở tốt lành, nghĩa là người ấy tuy lúc có được nơi ở ồn ào-phòng ốc sơ sài, mà có thể mau chóng được giải thoát, hơn hẳn Thời giải thoát lúc có được nơi ở vắng lặng tuyệt vời, bởi vì chán ngán cảnh ồn ào lẫn tạp mà nhanh chóng nhập Định. Không chờ đến lúc được nghe thuyết pháp tốt lành, nghĩa là người ấy tuy lúc gặp phải sự khuyên nhủ giảng dạy khác cơ-trái với lý, mà có thể mau chóng được giải thoát, hơn hẳn Thời giải thoát lúc gặp được

sự khuyên nhủ giảng dạy hợp cơ-đúng như lý, bởi vì chán ngán những lời đã nói kia mà nhanh chóng nhập Định. Không chờ đến lúc gặp được Bồ-đặc-già-la tốt lành, nghĩa là người ấy tuy lúc gặp phải người không có đủ đức hạnh vì tánh tàn ác khó khăn cùng ở chung-cùng cư trú với nhau, mà có thể mau chóng được giải thoát, hơn hẳn Thời giải thoát lúc gặp được người đầy đủ đức hạnh... cùng với nhau cư trú, bởi vì chán ngán sự thô lỗ xấu xa ấy mà nhanh chóng nhập Định.

Lại nữa, dựa vào đạo nhỏ hẹp mà được giải thoát, cho nên gọi là Thời giải thoát. Đạo nhỏ hẹp, nghĩa là nếu rất mau chóng thì trong đời thứ nhất gieo trồng căn thiện, trong đời thứ hai làm cho thành thực, trong đời thứ ba đạt được giải thoát, còn lại thì không quyết định. Dựa vào đạo rộng lớn àm được giải thoát, thì gọi là Bất thời giải thoát. Đạo rộng lớn, nghĩa là nếu rất chậm chạp thì Thanh văn Thừa trải qua sáu mươi kiếp mà được giải thoát, như Xá-lợi-tử; Độc giác Thừa trải qua trăm kiếp mà được giải thoát, như Lâm Giác Dự; Phật thừa trải qua ba Vô số kiếp mà được giải thoát.

Lại nữa, dựa vào đạo yếu kém mà được giải thoát, cho nên gọi là Thời giải thoát. Đạo yếu kém, nghĩa là đối với gia hạnh thuộc phẩm thiện của giải thoát, không thể nào thường xuyên tu tập sâu nặng thiết tha, nếu ở thời gian đầu ngày tu tập, thì ở thời gian giữa và cuối ngày không thể nào tu tập; nếu ở thời gian đầu đêm tu tập, thì ở thời gian giữa và cuối đêm không thể nào tu tập, tuy tạm thời có thể tu tập mà không sâu nặng thiết tha. Dựa vào đạo mạnh mẽ hơn hẳn mà được giải thoát, cho nên gọi là Bất thời giải thoát. Đạo mạnh mẽ hơn hẳn là cùng với trên trái ngược nhau.

Lại nữa, dựa vào đạo tăng về Chỉ mà được giải thoát, cho nên gọi là Thời giải thoát; dựa vào đạo tăng về Quán mà được giải thoát, cho nên gọi là Bất thời giải thoát.

Lại nữa, dựa vào đạo có thể khiến cho mất đi mà được giải thoát, cho nên gọi là Thời giải thoát. Đạo có thể khiến cho mất đi, nghĩa là đạo đã tu có thể là vừa ý-không vừa ý, lợi ích-không lợi ích, cung cấp đầy đủ khổ-vui mà khiến cho mất đi. Dựa vào đạo không có thể khiến cho mất đi mà được giải thoát, cho nên gọi là Bất thời giải thoát. Đạo không có thể khiến cho mất đi là cùng với trên trái ngược nhau.

Lại nữa, dựa vào đạo của năm loại chủng tánh mà được giải thoát, cho nên gọi là Thời giải thoát. Đạo của năm loại chủng tánh, đó là đạo của chủng tánh Thối pháp, cho đến đạo của chủng tánh Kham đạt pháp. Dựa vào đạo của một loại chủng tánh mà được giải thoát, cho nên gọi

là Bất thời giải thoát. Đạo của một loại chủng tánh, đó là đạo của chủng tánh Bất động pháp. Đây là nói A-la-hán thuộc năm loại chủng tánh gọi là Thời giải thoát, A-la-hán thuộc chủng tánh Bất động pháp gọi là Bất thời giải thoát.

Hỏi: Nhờ vào luận mà phát sinh luận, vì sao A-la-hán thuộc năm chủng tánh trước thiết lập chung làm một Thời giải thoát, A-la-hán thuộc chủng loại thứ sáu thiết lập riêng làm một Bất thời giải thoát?

Đáp: Bởi vì có duyên khác nhau, Thời giải thoát nhiều, Bất thời giải thoát ít, nghĩa là dựa vào chủng tánh thi thiết năm chủng tánh trước gọi là A-la-hán Thời giải thoát, chủng tánh thứ sáu gọi là A-la-hán Bất thời giải thoát. Bởi vì có duyên khác nhau, Thời giải thoát ít, Bất thời giải thoát nhiều, nghĩa là dựa vào Thừa mà thi thiết chỉ riêng Thanh văn Thừa có A-la-hán Thời giải thoát, ba Thừa đều có A-la-hán Bất thời giải thoát. Bởi vì có duyên khác nhau, hai loại giải thoát cân bằng, nghĩa là hai loại giải thoát đều lia phiền não, cùng là thuộc về Thánh đạo trong thân Vô học thanh tịnh.

Lại nữa, Thời giải thoát yếu kém cho nên thi thiết năm loại, Bất thời giải thoát mạnh hơn cho nên kiến lập một loại. Như ở thế gian bây giờ, Quốc vương-Đại thần-Trưởng giả-Cư sĩ, những người giàu sang thì số ấy rất ít, những loại nghèo hèn thì số ấy rất nhiều. Lại như ở thế gian, Phật-Độc giác cho đến Thanh văn cứu cánh thì số ấy rất ít, các Thanh văn còn lại thì số ấy rất nhiều. Lại như ở thế gian, người làm điều thiện thì ít, người làm điều ác thì nhiều. Lại như ở thế gian, người Chánh kiến thì ít, người tà kiến thì nhiều. Lại như ở thế gian, người đoan chánh thì ít, người xấu xí thì nhiều. Lại như ở thế gian, người nhu hòa thì ít, người ngang ngược thì nhiều. Như vậy, A-la-hán thuộc năm chủng tánh trước bởi vì yếu kém cho nên hợp lại gọi là Thời giải thoát, A-la-hán thuộc chủng tánh thứ sáu mạnh hơn cho nên tách riêng gọi là Bất thời giải thoát.

Lại nữa, A-la-hán thuộc năm chủng tánh trước, bởi vì thế gian dễ đạt được, cho nên hợp lại lập thành một, gọi là Thời giải thoát; A-la-hán thuộc chủng tánh thứ sáu, bởi vì thế gian khó đạt được, cho nên tách riêng lập thành một, gọi là Bất thời giải thoát. Như người thế gian bây giờ đi đến nước Chí-na (Trung Quốc), nước Chấp-sư-tử (Tích lan) trở về thì rất ít, người đi đến thôn làng ở gần trở về thì rất nhiều; ở đây cũng như vậy.

Lại nữa, A-la-hán thuộc năm chủng tánh trước, không sử dụng nhiều công lực, không thực hiện nhiều gia hạnh, không tác ý nhiều mà

đạt được, cho nên hợp lại lập thành một, gọi là Thời giải thoát; A-la-hán thuộc chủng tánh thứ sáu cùng với trên trái ngược nhau, cho nên riêng lập thành một, gọi là Bất thời giải thoát.

Lại nữa, A-la-hán thuộc năm chủng tánh trước, có tăng-có giảm cho nên hợp lại lập thành một, gọi là Thời giải thoát; A-la-hán thuộc chủng tánh thứ sáu, không tăng-không giảm cho nên tách riêng lập thành một, gọi là Bất thời giải thoát. Trong này, tăng ấy là tiến lên, giảm ấy là lui sụt.

